

Bản án số: 293/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 03 – 12 -2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Trần Thị Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Trần Văn Chánh

2/ Bà Thiều Thị Phi Loan

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thanh – Thư ký  
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân*** thành phố Biên Hòa: Bà Trần Thị  
Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 309/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử ngày 09/7/2021, 0/8/2021, 06/9/2021 và ngày 01/10/2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 22/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 516/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2021, giữa các đương sự:

***- N đơn:*** **Bà Phan Thị Bảo C**, sinh năm 1975

***Địa chỉ:*** Số 98/10/4, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn:*** **Ông Lê Đức N**, sinh năm 1965

***Địa chỉ:*** Số B163, Khu Đình Thuận, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà C, ông N vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### - N đơn bà Phan Thị Bảo C trình bày:

Bà và ông Lê Đức N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2018 cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm của bà giành cho ông N không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Bảo T, sinh ngày 02/12/2001 và Lê Đức C, sinh ngày 19/7/2012. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, tạm thời không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Bảo T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn ông Lê Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.***

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà C và ông N phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C; giao con chung là cháu Lê Đức C, sinh ngày 19/7/2012 cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Bảo T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung bà C trình bày tự thỏa thuận, nợ chung bà C trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Phan Thị Bảo C khởi kiện về việc “Ly hôn, trông chấp về nuôi con” đối với ông Lê Đức N hiện đang trú tại: Số B163, Khu Đình Thuận, phường T, thành

phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N đầy đủ, tuy nhiên ông N vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà C và ông N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2000 tại UBND phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 5 và Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông N có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì bà C và ông N không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai ông bà có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng ông N không đến. Điều này chứng tỏ bà C và ông N không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, bà C, ông N hiện nay đã sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông N.

[3] **Về con chung:** Bà C và ông N có 02 con chung là cháu Lê Bảo T, sinh ngày 02/12/2001 và Lê Đức C, sinh ngày 19/7/2012. Bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Đức C, tạm thời bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do đó, giao cháu C cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Bảo T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Theo bà C trình bày tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông N vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] **Về án phí:** Bà Phan Thị Bảo C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 5 và Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của N đơn bà Phan Thị Bảo C. Bà Phan Thị Bảo C được ly hôn với ông Lê Đức N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đức C, sinh ngày 19/7/2012 cho bà Phan Thị Bảo C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Lê Bảo T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Lê Đức N.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Bảo C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000083 ngày 01/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà C đã nộp xong án phí.

Bà Phan Thị Bảo C và ông Lê Đức N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa,
- T. Đồng Nai (số ĐKKH 34/2000 ngày 25/4/2000);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Hải**

